

Số: 1552/KH-SCT

Quảng Bình, ngày 24 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
của Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình. Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình và các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành công thương.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển kinh tế số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh mới có hiệu quả kinh tế cao, góp phần hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ của ngành Công Thương.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 90%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Xây dựng và đưa vào ứng dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành công thương.
- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*
- Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong các lĩnh vực công nghiệp năng lượng, thương mại, dịch vụ đạt trên 25%.
- 100% các tổ chức xúc tiến thương mại và khoảng 700 - 1.000 doanh nghiệp được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số và 50% trong số này có phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin.
- 25% các dịch vụ kết nối thị trường được thực hiện trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.
- 25% số lượng hội chợ, triển lãm được tổ chức trên môi trường số.
- 100% các tổ chức xúc tiến thương mại được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại và bảo đảm an toàn thông tin; khoảng 700-1.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng, khai thác, vận hành các nền tảng dùng chung và chia sẻ dữ liệu với Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.
- 50% chợ hạng I ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước nhân rộng mô hình đối với các chợ hạng II, III.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 95%; tối thiểu 95% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- Xây dựng và đưa vào ứng dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành công thương.
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 25% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong các lĩnh vực công nghiệp năng lượng, thương mại, dịch vụ đạt trên 35%.

- 100% các tổ chức xúc tiến thương mại và khoảng 50% doanh nghiệp được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số và 100% trong số này có phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin.

- 35% các dịch vụ kết nối thị trường được thực hiện trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

- 35% số lượng hội chợ, triển lãm được tổ chức trên môi trường số.

- 100% các tổ chức xúc tiến thương mại được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại và bảo đảm an toàn thông tin;

- 100% chợ hạng I ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước nhân rộng mô hình đối với các chợ hạng II, III.

4. Yêu cầu

Các phòng, ban, đơn vị phải xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Trong chuyển đổi số cần thống nhất: Nhận thức đóng vai trò quyết định; người dân và doanh nghiệp là trung tâm; cơ chế, chính sách và công nghệ là động lực; phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là phần gắn kết xuyên suốt, duy trì tính bền vững; sự phối hợp đồng bộ có hệ thống giữa các phòng, ban, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Tập trung huy động, khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và toàn xã hội, trong đó, nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá. Chú trọng thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề mới phát sinh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Sở Công Thương, kinh phí doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công tổ chức thực hiện tại Mục II, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này hiệu quả, đảm bảo nội dung, tiến độ thời gian quy định. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất đến Lãnh đạo Sở, đồng thời gửi Văn phòng để tổng hợp báo cáo chung của Sở Công Thương.

- Giao Văn phòng Sở: là đơn vị thường trực, đôn đốc, theo dõi và triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời tham mưu: biểu dương, khen thưởng đối với những

tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện; phân bổ kinh phí thực hiện hàng năm theo kế hoạch. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Lãnh đạo Sở và tham mưu báo cáo UBND tỉnh, các ngành theo quy định.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các phòng, đơn vị phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Hải

Phụ lục 1**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MUU, TRIỂN KHAI
CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 1552 /KH-SCT ngày 24/8/2022 của Sở Công Thương về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

TT	Nội dung và nhiệm vụ thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
1	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và trách nhiệm của người đứng đầu đối với quá trình chuyển đổi số; tham mưu môi trường, cơ chế, chính sách thuận lợi để chuyển đổi số trên lĩnh vực công thương	Đề nghị Đảng ủy Sở, chi bộ trực thuộc chỉ đạo; Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
2	Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sâu, rộng đến người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số trên lĩnh vực công thương	Văn phòng, Thanh tra	Các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
3	Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến trên lĩnh vực công thương	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
4	Nâng cấp, đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, kết nối mạng LAN và Internet băng rộng	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
5	Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đồng bộ của ngành theo yêu cầu của tỉnh, bộ, chính phủ	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
6	Triển khai hệ thống phòng họp trực tuyến	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2023	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm

7	Quản lý và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	Trung tâm KC và XTTM	Các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2025	Chương trình phát triển TMĐT quốc gia và địa phương
8	Triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiệp vụ của sở theo yêu cầu của tỉnh, bộ, chính phủ	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
9	Kết nối một số cơ sở dữ liệu ngành Công Thương lên Hệ thống Giám sát và điều hành thông minh của tỉnh	Văn phòng	Các sở, ngành; các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
10	Số hóa tài liệu, hồ sơ, các quy trình nghiệp vụ; phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đồng thời kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP)	Văn phòng	Các sở, ngành; các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm
11	Tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định 4733/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh	Phòng Quản lý Thương mại	Sở TTTT, Ban QL KKT; các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Chương trình phát triển TMĐT của tỉnh
12	Hàng năm xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển TMĐT để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; các phòng chuyên môn, đơn vị	Thường xuyên	Chương trình phát triển TMĐT Quốc gia và của tỉnh
13	Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã được UBND tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; địa phương, doanh nghiệp	2022 - 2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp

14	Số hóa cơ sở dữ liệu lĩnh vực Thương mại, logistics phục vụ điều hành, quản lý nhà nước và minh bạch thông tin	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; địa phương, doanh nghiệp	2022 - 2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp
15	Xây dựng chính sách đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, gắn với phát triển dịch vụ logistics. Trong đó ưu tiên hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp logistics ứng dụng công nghệ số quản lý kho bãi và vận hành chuỗi hoạt động logistics	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; địa phương, doanh nghiệp	2023-2025	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm;
16	Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động quản lý điều hành, kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, logistics trên địa bàn; nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; địa phương, doanh nghiệp; các phòng chuyên môn, đơn vị	2022-2025	Ngân sách tỉnh và nguồn hợp pháp khác
17	Hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số đối với lĩnh vực công thương, nhất là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp tại cụm công nghiệp; nâng cao ứng dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm	Phòng Quản lý Thương mại; Phòng Quản lý Công nghiệp	Các sở, ngành; địa phương, doanh nghiệp; đơn vị	Thường	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp
18	Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025	Phòng Quản lý Thương mại	Các sở, ngành; Trung tâm KC và XTTM	2022-2025	Ngân sách tỉnh và nguồn hợp pháp khác
19	Hướng dẫn, chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành cụm công nghiệp	Phòng Quản lý Công nghiệp	Chủ đầu tư hạ tầng CCN; UBND huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp

20	Chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động giám sát, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn đối với các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống lưới điện, hồ chứa nhà máy thủy điện; hướng đến tối đa hóa, tự động hóa lưới điện và cung cấp dịch vụ cung ứng điện thông minh	Phòng Quản lý Năng lượng	Công ty Điện lực tỉnh Quảng Bình, đơn vị truyền tải điện, nhà máy sản xuất điện	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp
21	Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, hướng đến tự động hóa công tác giám sát, quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ điện thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực trên địa bàn	Phòng Kỹ thuật Năng lượng	Công ty Điện lực tỉnh Quảng Bình, đơn vị truyền tải điện, nhà máy sản xuất điện	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp
22	Chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động số hóa dữ liệu, số hóa quy trình nghiệp vụ trong đơn vị truyền tải, phân phối điện	Phòng Kỹ thuật Năng lượng	Công ty Điện lực tỉnh Quảng Bình, đơn vị truyền tải điện	Thường xuyên	Trích từ nguồn phân bổ hàng năm; kinh phí doanh nghiệp